TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày: 18-9-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố và đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Long**

Bà **Trần Thị Mỹ Trang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT: Bà **Nguyễn Ngọc Thảo - Kiểm sát viên.**

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố và đòi lại tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Công ty TNHH S (Nay là Công ty Cổ phần S1)**

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật:

- Ông SOMYOT NGERNDAMRONG – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Minh V** – Chức vụ: Nhân viên Công ty (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: E P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo Giấy ủy quyền số 268/2024/UQ-SVN, ngày 01/6/2024)

Sau đây gọi tắt nguyên đơn Công ty TNHH S (Nay là Công ty Cổ phần S1) là Công ty**.**

Bị đơn*: Ông **Châu Phước Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Công ty TNHH S trình bày:

Công ty TNHH S (Nay là Công ty Cổ phần S1) (gọi tắt là Công ty) hoạt động trong lĩnh vực cầm cố tài sản.

Ngày 09/8/2022, ông Châu Phước Đ và Công ty TNHH S – Chi nhánh V2 có ký hợp đồng cầm cố tài sản số VLM220802009NA16X (có Phụ lục Hợp đồng cầm cố kèm theo), cụ thể như sau:

Tài sản cầm cố là: 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 64G1-187.31; loại xeVIsion, nhãn hiệu HONDA,màu :Đỏ; Số khung RLHJF5816 GY069414– Số máy JF66E0069439; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002098 do Công an huyện M cấp ngày 01/3/2021.

Số tiền cầm cố là: 13.700.000 đồng

Thời hạn cầm cố là 12 tháng

Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Ngày giải ngân: 09/8/2022

Lãi suất cầm cố : 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế

Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng

Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn.

Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản: thanh toán đúng hạn 2%/tháng.

Thời hạn thanh toán: Khách hàng cam kết thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) với số tiền là 1.263.853 đồng vào ngày 09 hàng tháng từ tháng 09/2022 đến tháng 8/2023.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký Công ty đã giải ngân số tiền 13.700.000 đồng cho ông Đ.

Do ông Đ có nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Đ mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 09/8/2022 đến 09/9/2023, địa điểm trả xe tại Chi nhánh V2 – Công ty TNHH S.

Quá trình trả nợ ông Đ chỉ thanh toán cho Công ty số tiền gốc 8.853.058 đồng, lãi là 873.342 đồng, phí 4.772.600 đồng, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty. Do đó Công ty khởi kiện yêu cầu ông Đ trả cho Công ty số tiền gốc 4.846.942 đồng, lãi trong hạn là 285.043 đồng, lãi quá hạn 142.521 đồng (tính đến ngày 16/9/2023), phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 1.538.116 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh V1 bày:

- Công ty xin rút lại yêu cầu buộc ông Châu Phước Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe mô tô hai bánh 64G1-187.31; loại xe VIsion, nhãn hiệu HONDA, màu : Đỏ; Số khung RLHJF5816 GY069414– Số máy JF66E0069439; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002098 do Công an huyện M cấp ngày 01/3/2021.

- Công ty xin rút lại yêu cầu buộc ông Châu Phước Đ trả phí hao mòn khi mượn xe số tiền là 1.538.116 đồng (2.1%), phí quản lý hồ sơ 129.565 đồng (0.5%)

Nay Công ty TNHH S (Nay là Công ty Cổ phần S1) yêu cầu buộc ông Châu Phước Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty T tiền là 6.138.980 đồng. Trong đó: gốc: 4.846.942 đồng, lãi trong hạn: 861.359 đồng, lãi quá hạn 430.679 đồng (tính từ ngày 09/4/2023 đến ngày 05/8/2024).

Yêu cầu ông Châu Phước Đ tiếp tục trả lãi từ ngày 06/8/2024 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2024, bị đơn ông Châu Phước Đ trình bày: thừa nhận có cầm cố chiếc xe mô tô hai bánh 64G1-187.31; loại xeVIsion, nhãn hiệu HONDA, số tiền 13.700.000 đồng, sau đó ông đã trả cho Công ty nhiều lần, tính đến nay (04/5/2024) ông còn nợ Công ty số tiền 4.846.942 đồng, lãi không biết còn nợ bao nhiêu. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty ông đồng ý trả cho Công ty số tiền gốc là 4.846.942 đồng, lãi còn nợ nhưng ông yêu cầu Công ty cho ông thời hạn đến cuối tháng 05/2024 ông sẽ trả hết vốn, lãi đầy đủ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh V đại diện cho Công ty TNHH S có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên có văn bản ngày 18/9/2024, xác định hiện ông Châu Phước Đ còn nợ Công ty số tiền gốc 4.846.942 đồng, lãi trong hạn: 939.173 đồng, lãi quá hạn 469.587 đồng (tính từ ngày 09/4/2023 đến ngày 18/9/2024), yêu cầu ông Đ trả gốc, lãi số tiền trên. Rút lại yêu cầu buộc ông Châu Phước Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe mô tô hai bánh 64G1-187.31 do Công an huyện M cấp ngày 01/3/2021 cho Công ty và rút lại yêu cầu buộc ông Đ trả phí hao mòn khi mượn xe số tiền là 1.538.116 đồng (2.1%), phí quản lý hồ sơ 129.565 đồng (0.5%). Công ty tự nguyện trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002098 do Công an huyện M cấp ngày 01/3/2021 cho ông Châu Phước Đ.

Bị đơn ông Châu Phước Đ vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S. Buộc ông Châu Phước Đ trả cho Công ty số tiền gốc 4.846.942 đồng, lãi là 1.408.760 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Châu Phước Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe mô tô biển số 64G1-187.31, trả phí hao mòn khi mượn xe số tiền là 1.538.116 đồng (2.1%), phí quản lý hồ sơ 129.565 đồng (0.5%)

Công ty TNHH S tự nguyện trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô Honda loại xeVIsion, biển số 64G1-187.31 cho ông Châu Phước Đ.

Về án phí: buộc bị đơn nộp 312.785 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Châu Phước Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Châu Phước Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi là 6.255.701 đồng. Trong đó gốc là 4.846.942 đồng, lãi trong hạn: 939.173 đồng, lãi quá hạn 469.587 đồng (tính từ ngày 09/4/2023 đến ngày 18/9/2024).

[2.1] Xét thấy, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng cầm cố VLM220802009NA16X (có Phụ lục Hợp đồng cầm cố kèm theo) ngày 09/8/2022, Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 09/8/2022 và Giấy mượn xe ngày 09/8/2022 có chữ ký của ông Châu Phước Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2024, bị đơn ông Châu Phước Đ trình bày: thừa nhận có cầm cố chiếc xe mô tô hai bánh 64G1-187.31; loại xeVIsion, nhãn hiệu HONDA, số tiền 13.700.000 đồng, sau đó ông đã trả cho nguyên đơn nhiều lần, tính đến nay (04/5/2024) ông còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 4.846.942 đồng, lãi không biết còn nợ bao nhiêu. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 4.846.942 đồng, đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng ông yêu cầu nguyên đơn cho ông thời hạn đến cuối tháng 05/2024 ông sẽ trả hết vốn, lãi nhưng đến nay ông Đ chưa trả được. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đ có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 4.846.942 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu ông Đ trả tiền lãi trong hạn với mức lãi suất là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,55%/tháng, với số tiền lãi trong hạn: lãi trong hạn: 939.173 đồng, lãi quá hạn 469.587 đồng (tính từ ngày 09/4/2023 đến ngày 18/9/2024), xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Xét việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Châu Phước Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe mô tô hai bánh 64G1-187.31; loại xeVIsion, nhãn hiệu HONDA, màu : đỏ; Số khung RLHJF5816 GY069414– Số máy JF66E0069439; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002098 do Công an huyện M cấp ngày 01/3/2021 và rút lại yêu cầu buộc ông Châu Phước Đ trả phí hao mòn khi mượn xe số tiền là 1.538.116 đồng (2.1%), phí quản lý hồ sơ 129.565 đồng (0.5%). Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận như đã nhận định trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Châu Phước Đ phải chịu 5% trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn là 312.000 đồng (6.255.701 đồng X 5 %).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ; Điều 309; Điều 311;Diều 314; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S (Nay là Công ty Cổ phần S1 Có Ngay).

Buộc bị đơn ông Châu Phước Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty TNHH S (Nay là Công ty Cổ phần S1 Có Ngay) tổng số tiền là 6.255.701 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ một đồng). Trong đó gốc: 4.846.942 đồng, lãi trong hạn: 939.173 đồng, lãi quá hạn 469.587 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc: yêu cầu ông Châu Phước Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe mô tô hai bánh 64G1-187.31; loại xeVIsion, nhãn hiệu HONDA, màu : Đỏ; Số khung RLHJF5816 GY069414– Số máy JF66E0069439; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002098 do Công an huyện M cấp ngày 01/3/2021 và và yêu cầu trả phí hao mòn tài sản, phí quản lý hồ sơ.

Công ty TNHH S (Nay là Công ty Cổ phần S1) có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 64G1-187.31; loại xeVIsion, nhãn hiệu HONDA, màu: Đỏ; Số khung RLHJF5816 GY069414– Số máy JF66E0069439; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002098 do Công an huyện M cấp ngày 01/3/2021 cho ông Châu Phước Đ.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Châu Phược Đ1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 312.000 đồng (ba trăm mười hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0005567, 0005574 cùng ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mang Thít;
- CC THA DS huyện Mang Thít;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Võ Thị Tám